

UBND PHƯỜNG 2 BẢO LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG TH&THCS

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ TỰ TRỌNG

Phường 2 Bảo Lộc, ngày 24 tháng 5 năm 2026

Số: /BC-LTT

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, trung học năm học 2025 – 2026 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm học 2026 - 2027

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. PHÁT TRIỂN QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP; NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỔ CẬP GIÁO DỤC

1. Phát triển quy mô mạng lưới trường, lớp

Toàn trường hiện có 16 lớp với 432 học sinh.

• 1.1. Số học sinh năm học 2025 - 2026 và tỉ lệ huy động nhập học bậc Tiểu học:

- Đối với cấp tiểu học: Tổng số học sinh toàn cấp là **220 em**
- Tỉ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 1 trên địa bàn đạt chỉ tiêu **100%**.
- Quy mô bậc tiểu học: gồm **09 lớp** với **220 học sinh**. Sĩ số trung bình đạt **25 học sinh/lớp** (duy trì ổn định so với năm học trước).

• 1.2. Số học sinh năm học 2025 - 2026 và tỉ lệ huy động nhập học bậc THCS:

- Đối với cấp Trung học cơ sở (THCS): Tổng số học sinh toàn cấp là **212 em**
- Tỉ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 trên địa bàn đạt chỉ tiêu **100%**.
- Quy mô toàn cấp (THCS): gồm **07 lớp** với **212 học sinh**. Sĩ số trung bình đạt **31 học sinh/lớp** (duy trì ổn định so với năm học trước).

2. Duy trì, nâng cao kết quả phổ cập trung học cơ sở

- Đơn vị duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.
- Tỉ lệ thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 có bằng tốt nghiệp THCS đạt chỉ tiêu **100%**.

- Công tác điều tra, thu thập và cập nhật dữ liệu trên hệ thống phần mềm quản lý phổ cập giáo dục được thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ quy định.

II. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026

- Tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, nhân viên là 36 người. Trong đó:
 - Cán bộ quản lý: 03 người (Trình độ đào tạo: 100% Đại học).
 - Giáo viên đứng lớp: 27 người (Trình độ đào tạo: Đại học: 13 người, Cao đẳng: 01 người; hợp đồng 02 người).
 - Nhân viên: 06
- Tỷ lệ giáo viên/lớp đảm bảo cơ cấu bộ môn triển khai Chương trình GDPT 2018.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu năm học 2025 - 2026

- Phòng học: Đáp ứng đủ 16 phòng học/16 lớp.
- Phòng chức năng, phòng bộ môn: Hiện có 10 phòng, bao gồm: 02 phòng Tin học; 01 phòng Âm nhạc; 02 phòng bộ môn Lý - Hoá - Sinh, Công nghệ; 01 phòng STEM; 01 phòng Nghe nhìn; 01 phòng Thực hành bộ môn; 01 phòng Thư viện; 01 phòng Thiết bị.
- Nhà trường đã mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; khai thác tốt kho học liệu số dùng chung phục vụ công tác giảng dạy.

3. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

- Nhà trường đang hướng đến đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 2** và chuẩn Quốc gia **Mức độ 1**.

4. Xây dựng, phát triển thư viện nhà trường

- Hoạt động thư viện đạt danh hiệu **Thư viện Tiên tiến**.
- Tích cực triển khai thư viện số.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC NĂM HỌC 2025 - 2026

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban Giám hiệu nhà trường đã chủ động ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học từ tháng 8/2025.
- Tổ chức ký cam kết thi đua và cụ thể hóa các mục tiêu chất lượng đối với từng tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

- 100% tổ chuyên môn xây dựng phân phối chương trình môn học linh hoạt, chủ động, phù hợp với khung thời gian 35 tuần thực học.
- Nội dung dạy học được tinh giản hợp lý, tập trung vào các kiến thức cốt lõi và phát triển năng lực của học sinh.

2. Kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục và hoạt động giáo dục đặc thù

• **2.1. Tổ chức thực hiện giáo dục STEM:** Triển khai tối thiểu **02 chủ đề STEM/năm** đối với 04 tổ. Tổ chức thành công Ngày hội STEM cấp trường năm học 2025 - 2026. Riêng tổ Xã hội đã hoàn thành xây dựng và nghiệm thu **07 sản phẩm STEM chất lượng** (Mỹ thuật: 01; HĐTN 6: 01; Ngữ văn: 02; Công nghệ: 02; GDDP: 01); tổ chức thành công chuyên đề cấp cụm phân môn Âm nhạc được đánh giá cao, có sức lan tỏa trong Phường và Tỉnh.

• **2.2. Công tác bảo đảm an toàn trường học:** Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh. Trong năm học không xảy ra tai nạn thương tích hay bạo lực học đường nghiêm trọng. Thực hiện tốt công tác y tế học đường.

• **2.3. Giáo dục tích hợp:** Thực hiện lồng ghép giáo dục chủ quyền biển đảo, an toàn giao thông, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường vào các môn Địa lý, Giáo dục công dân, Sinh học và Hoạt động trải nghiệm.

• **2.4. Tổ chức các hoạt động tập thể, trải nghiệm:** Tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa nhân ngày 20/11, Tết Dương lịch, 26/3,... Thực hiện các chủ đề Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo đúng thời lượng chương trình quy định. Tiêu biểu có hoạt động ngoại khóa chuyên môn “*Ngày hội Nét bút tri ân*” do tổ Xã hội chủ trì triển khai đạt hiệu quả giáo dục cao; Tết xum vầy....

3. Vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá

• **3.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học:** Thay đổi từ truyền thụ áp đặt sang dạy học giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm và dự án học tập. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong công tác giảng dạy. Hoạt động giảng dạy chuyên môn ghi nhận sự nỗ lực vượt bậc của đội ngũ giáo viên: tổ chức thành công tiết thao

giảng (bình quân 2 tiết/GV), thực hiện hơn 4500 tiết dạy ứng dụng CNTT (bình quân hơn 166 tiết/GV).

- **3.2. Đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá:** Áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra thường xuyên (thuyết trình, sản phẩm thực hành). Đề kiểm tra định kỳ thực hiện đúng ma trận, đặc tả bám sát cấu trúc đổi mới của Bộ GD&ĐT.

- **3.3. Công tác kiểm tra chuyên môn nội bộ:** Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đạt tỷ lệ 100% giáo viên được kiểm tra định kỳ, kết quả ghi nhận rất tích cực tại các chuyên đề chuyên môn cốt lõi: Kiểm tra Sổ đầu bài, Thực hiện chương trình, Kế hoạch bài dạy/Giáo án, Công tác vào điểm....

- **3.4. Triển khai sinh hoạt chuyên đề chuyên môn sâu:** Tổ chức thành công **08 chuyên đề cấp trường và tổ**; Cấp Phường: 01 chuyên đề (môn Âm nhạc) góp phần quan trọng giảm tỷ lệ học sinh chưa đạt học lực cuối năm.

4. Nội dung giáo dục địa phương

- Tổ chức giảng dạy nghiêm túc tài liệu Giáo dục địa phương 2 bậc học theo đúng quy định. Hình thức đánh giá được đổi mới thông qua các bài thu hoạch thực tế và dự án tìm hiểu văn hóa quê hương...

III. CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRONG GIÁO DỤC

- Tổ chức tư vấn hướng nghiệp thường xuyên cho học sinh cuối cấp (lớp 9). Tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS đi học nghề hoặc chuyển đổi định hướng học tập đạt theo đúng lộ trình chỉ tiêu chung của ngành giáo dục địa phương.

IV. CÔNG TÁC TUYỂN SINH ĐẦU CẤP

- Tuyển sinh vào lớp 6 được xây dựng kế hoạch thực hiện đúng quy chế, công khai, minh bạch, ứng dụng hình thức đăng ký trực tuyến và trực tiếp. Phần đầu đạt **100% chỉ tiêu được giao**, huy động toàn bộ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn vào học lớp 6 tại trường.

V. THỰC HIỆN GIÁO DỤC ĐỐI VỚI HỌC SINH KHUYẾT TẬT

- Nhà trường tiếp nhận **02 học sinh học hòa nhập**. Đã xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân riêng biệt, tổ chức kiểm tra, đánh giá phù hợp với dạng khuyết tật và mức độ suy giảm khả năng của học sinh nhằm động viên học sinh.

VI. CHUYỂN ĐỔI SỐ, HỌC BẠ SỐ TRONG GIÁO DỤC VÀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ

1. Thực trạng chuyển đổi số tại cơ sở

- **1.1. Ứng dụng CNTT trong quản lý:** 100% văn bản đi/đến được xử lý trên hệ thống quản lý văn bản điều hành điện tử. Quản lý CB-GV-NV qua các phần mềm: CSDL ngành, phần mềm CC-VC, Vnedu.
- **1.2. Ứng dụng CNTT trong giảng dạy:** Giáo viên tăng cường thiết kế bài giảng điện tử, khai thác các học liệu số mở và phòng học đa năng tương tác.
- **1.3. Cơ sở hạ tầng và năng lực số:** Trường trang bị đường truyền internet băng thông rộng phủ sóng toàn bộ các phòng học. 100% cán bộ, giáo viên có năng lực sử dụng các phần mềm chuyên môn cơ bản.

2. Thách thức và hạn chế trong chuyển đổi số

- **2.1. Về cơ sở hạ tầng:** một số máy tính tại các phòng máy thực hành bắt đầu xuống cấp, tốc độ xử lý chậm.
- **2.2. Về kỹ năng và nguồn lực con người:** Một bộ phận giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn khi tiếp cận các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) và xây dựng bài giảng e-learning tương tác cao.
- **2.3. Về chính sách và tài chính:** Kinh phí mua sắm thiết bị công nghệ số chuyên dụng và duy trì bản quyền phần mềm hàng năm còn hạn hẹp.

3. Đề xuất giải pháp và hướng dẫn chuyển đổi số tại cơ sở

- **3.1. Hướng dẫn triển khai:** Tiếp tục hướng dẫn, bồi dưỡng về khai thác và bảo mật thông tin dữ liệu số, năng lực số trong nhà trường.
- **3.2. Giải pháp cụ thể:** Đẩy mạnh công tác xã hội hóa để nâng cấp trang thiết bị phòng máy; tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn chia sẻ giải pháp công nghệ ứng dụng.

4. Triển khai chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo (AI)

- Nhà trường tích cực triển khai ứng dụng phù hợp tình hình đơn vị; thực hiện rà soát tích hợp nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo (AI) phù hợp vào các môn học và quản lý. Giáo viên hướng dẫn học sinh bước đầu làm quen, sử dụng đúng cách, an toàn các công cụ AI hỗ trợ tìm kiếm tài liệu học tập.
- Toàn bộ GV nhà trường đã tích cực đăng ký bồi dưỡng ăng lực số.

5. Triển khai Học bạ số

- **Thuận lợi:** Hệ thống dữ liệu ngành thông suốt, đồng bộ. Giáo viên và phụ huynh học sinh ủng hộ cao vì tính tiện ích, công khai.

- **Khó khăn:** Một số trường hợp thông tin định danh cá nhân của học sinh trên cơ sở dữ liệu quốc gia chưa đồng bộ, mất thời gian phối hợp rà soát, chỉnh sửa; hệ thống chữ ký số đôi lúc bị nghẽn mạng vào giờ cao điểm.

6. Giáo dục kỹ năng công dân số

- Tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng công dân số (gồm văn hóa ứng xử trên không gian mạng, bảo mật tài khoản cá nhân, nhận diện thông tin xấu độc) thông qua các tiết sinh hoạt lớp.

- Tích cực triển khai thư viện số với 21029 lượt tương tác trong năm qua; đạt **Giải nhất tập thể toàn tỉnh và 01 giải khuyến khích cá nhân trong đợt thi tuần lễ đọc sách toàn tỉnh vừa qua.**

VII. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁO DỤC KHÁC

1. Quản lý hoạt động chuyên môn:

Tổ chức thành công các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp trường theo nghiên cứu bài học định kỳ, tập trung vào tháo gỡ vướng mắc cho các môn học tích hợp mới. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra nội bộ trường học.

2. Quản lý sách giáo khoa, tình giản hồ sơ:

Quản lý chặt chẽ danh mục sách giáo khoa được phê duyệt. Thực hiện triệt để việc tinh giản hồ sơ sổ sách, áp dụng ký duyệt giáo án điện tử thay thế hồ sơ giấy.

3. Các cuộc thi, hội thi phong trào:

- *Đối với giáo viên:* Đạt danh hiệu Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: **7/7 GV đạt**; tích cực hội thi viết bài chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có hơn 8 bài viết, chọn 2 bài tốt gửi thi cấp phường; Đại hội TDTT đạt 02 huy chương Đồng cấp tỉnh.

- *Đối với học sinh:* Đạt thành tích xuất sắc tại các phong trào mũi nhọn và thể dục thể thao:...

- Cuộc thi Olympic chuyên Bảo Lộc lần thứ I: Xuất sắc đạt 05 giải gồm: 01 Huy chương Vàng và 01 Huy chương Bạc (đều ở bộ môn Ngữ văn); 01HC Bạc, và 01 HC Đồng môn Toán; 01 HV Bạc tiếng Anh.

- Cuộc thi Sáng kiến phòng chống bạo lực và bảo đảm trật tự trường học cấp Phường: Đạt **02 giải Ba.** ..

- Đại hội TDTT cấp Phường: 12 huy chương gồm: 01 HC Vàng, 02 HC Bạc, 09 HC Đồng.

- Đại hội TDTT cấp tỉnh: Đạt **02 Huy chương Bạc.**

- ...

VIII. BẢNG ĐỐI CHIẾU CÁC CHỈ TIÊU VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CUỐI NĂM (KHỐI THCS & TIỂU HỌC)

1. Chỉ tiêu duy trì sĩ số, phẩm chất và năng lực học sinh

Bảng 1: Kết quả học tập các môn học và hoạt động giáo dục

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHUNG CẤP TIỂU HỌC NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Nội dung đánh giá tổng quát	Mức 1: HT Tốt / Số lượng	Mức 1: HT Tốt / Tỷ lệ (%)	Mức 2: Hoàn thành, Đạt/Số lượng	Mức 2: Hoàn thành, Đạt/Tỷ lệ (%)	Mức 3: Chưa HT, Cần CG/Số lượng	Mức 3: Chưa HT, Cần CG/Tỷ lệ (%)
1	Kết quả học tập các môn học	1.222	51,54%	1.149	48,46%	0	0,00%
2	Sự hình thành và PT Năng lực	1.161	52,77%	1.039	47,23%	0	0,00%
3	Sự hình thành và PT Phẩm chất	695	63,18%	405	36,82%	0	0,00%
-	TỔNG HỢP TOÀN DIỆN	3.078	54,27%	2.593	45,73%	0	0,00%

Nhận xét cốt lõi từ bảng tổng hợp: Chất lượng giáo dục toàn diện của khối Tiểu học đạt kết quả tốt và đồng đều. Tính trên tổng số **5.671 lượt đánh giá** cuối năm cho toàn bộ học sinh, tỷ lệ xếp loại chất lượng từ mức Đạt/Hoàn thành trở lên đạt tuyệt đối **100,00%** (trong đó tỷ lệ xếp loại chất lượng cao đạt **54,27%**), hoàn toàn không có học sinh ở diện yếu, kém hoặc cần cố gắng. Dữ liệu này đảm bảo chất lượng nòng cốt ổn định để nhà trường xét duyệt học sinh lên lớp thẳng và hoàn thành chương trình bậc học.

STT	Nội dung hoạt động	Chỉ tiêu năm học 2025-2026	Kết quả thực hiện năm học 2025-2026	Đánh giá chung xu hướng
1	Duy trì sĩ số học sinh			Đạt & Vượt
	Toàn trường	99,5%	Bỏ học 3 HS	

2	Xếp loại Rèn luyện / Hạnh kiểm (THCS)			Phân hóa tích cực
	- Mức Tốt	90,0%	86,26%	Tiệm cận chỉ tiêu
	- Mức Khá	9,5%	11,85%	Tăng so với dự kiến
	- Mức Đạt	0,5%	1,90%	Biến động nhỏ
	- Mức Chưa đạt	0%	0,00%	Hoàn thành tốt
3	Đánh giá Phẩm chất, Năng lực (Tiểu học)			
	- Mức Tốt	90,2%	57,98%	Đang hướng đến
	- Mức Đạt	9,8%	42,02%	
	- Mức Cần cố gắng	0%	0	

2. Kết quả xếp loại học lực học sinh toàn trường

STT	Nội dung đánh giá học lực học sinh	Chỉ tiêu năm học 2025-2026	Kết quả thực hiện năm học 2025-2026	Đánh giá xu hướng chất lượng
1	Chất lượng học tập bậc Tiểu học			Thực chất, bền vững
	- Mức Hoàn thành tốt	79,5%	76,50% (<i>Tổng số HS Xuất sắc + Tốt</i>)	Ổn định chất lượng
	- Mức Hoàn thành	20,5%	23,50%	Đúng định hướng
	- Tỷ lệ học sinh Hoàn thành chương trình lớp học	100%	100,00%	Đạt chỉ tiêu
2	Chất lượng học tập bậc THCS			Có sự phân hóa rõ rệt
	- Học lực mức Tốt	28,0%	27,49%	Tiệm cận chỉ tiêu
	- Học lực mức Khá	35,0%	31,28%	Thấp hơn dự kiến
	- Học lực mức Đạt (Trung bình)	36,5%	37,44%	Cao hơn dự kiến

	- Học lực mức Chưa đạt (Yếu)	0,5%	3,79%	Tăng vượt mức dự kiến
3	Tỷ lệ danh hiệu thi đua và phân loại cuối năm (THCS)			
	- Học sinh đạt Danh hiệu Xuất sắc (trên tổng số)	—	6,16%	Chỉ số chất lượng cao
	- Học sinh đạt Danh hiệu Giỏi (trên tổng số)	—	20,85%	Giữ vững phong trào
	- Tỷ lệ Học sinh lên lớp thẳng	—	96,21%	Đảm bảo nề nếp dạy học
	- Tỷ lệ Học sinh thuộc diện Thi lại cuối năm	—	3,79%	Tập trung phụ đạo hè
	- Tỷ lệ Học sinh thuộc diện Lưu ban	—		Cần tăng cường hỗ trợ
	- Chỉ tiêu Học sinh lên lớp sau khi thi lại	99,5%	<i>Đang triển khai phụ đạo hè</i>	Đang đôn đốc thực hiện
	- Tỷ lệ Học sinh công nhận hoàn thành CT THCS	100%	100,00%	Đạt chỉ tiêu tuyệt đối

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhà trường hoàn thành tốt các chỉ tiêu chuyên môn cốt lõi đề ra, thực hiện hiệu quả chương trình GDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp. Công tác chuyển đổi số, thư viện số, áp dụng học bạ số và cải tiến sinh hoạt chuyên đề bước đầu đạt kết quả rõ rệt; tích cực tham gia bồi dưỡng năng lực số; bồi dưỡng thường xuyên. Nề nếp kỷ cương trường học được giữ vững, các phong trào thi đua mũi nhọn đạt nhiều giải cao cấp Phường và tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ học sinh học lực chưa đạt (Yếu) ở bậc THCS cuối năm học chiếm **3,79%**, dẫn đến tỷ lệ thi lại và nguy cơ lưu ban tăng cao hơn so với chỉ tiêu dự kiến từ đầu năm (chỉ tiêu không chế dưới 0,5%).

- Công tác quản lý học sinh trong giờ học của một vài giáo viên chưa thực sự nghiêm túc. Năng lực chuyển đổi số, ứng dụng CNTT ở một vài cá nhân chưa có kỹ năng tốt, chưa hiệu quả.

- Một số học sinh còn vi phạm nội quy, chưa tuân thủ luật an toàn giao thông; sử dụng mạng xã hội chưa lành mạnh; hút thuốc lá, thuốc lá điện tử...
- Một số học sinh còn thiếu sự quan tâm của gia đình;
- Việc tổng hợp báo cáo (công việc, khen thưởng...) cần tích cực phối hợp hợp tác...;

3. Nguyên nhân

- Kinh phí đầu tư công cho hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng kịp tốc độ đổi mới công nghệ. Do ảnh hưởng biến động tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trung học ảnh hưởng phần nào đến sự tập trung học tập. Mạng xã hội tiềm ẩn nhiều nguy cơ...
- Công tác theo dõi, phụ đạo học sinh yếu kém ở một số thời điểm trong năm chưa đạt hiệu quả chuyên sâu đối với nhóm đối tượng cá biệt. Một vài giáo viên chưa chủ động, tích cực tự bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số và AI vào bài giảng. Ý thức tự kiểm tra và quản lý nề nếp thi đua của một vài cá nhân giáo viên, nhân viên còn có lúc chưa được quan tâm.
- Một số gia đình đơn thân, học sinh ở với ông bà nên việc quản lý theo sát học sinh gặp khó khăn.

4. Bài học kinh nghiệm

- Tiếp tục tăng cường đổi mới công tác quản lý.
- Xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém một cách khoa học, phân công giáo viên kèm cặp sát sao ngay từ đầu học kỳ I.
- Tăng cường phối hợp các lực lượng xã hội trong giáo dục học sinh.

D. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỐI VỚI GIÁO DỤC TRUNG HỌC NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Ổn định quy mô trường lớp, chất lượng, an ninh trường học:

Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; giữ vững phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; giữ vững an toàn an ninh trường học.

Triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý nề nếp, tăng cường giáo dục kỹ năng sống, Stem để hạn chế tối đa tình trạng học sinh vi phạm nội quy, bỏ học giữa chừng. Tập trung triển khai các giải pháp phụ đạo quyết liệt nhằm kéo giảm tỷ lệ học sinh yếu chưa đạt trong năm học mới.

Nhà trường phối hợp các lực lượng xã hội trong giáo dục đạo đức học sinh, chấp hành Luật an toàn giao thông, phòng chống thuốc lá, ...;

Nhà trường tăng cường giáo dục kỹ năng sống, Stem, tiếng Anh, phòng chống tai nạn thương tích, sử dụng mạng xã hội lành mạnh.

2. Nâng cao năng lực đội ngũ: Tổ chức tập huấn bồi dưỡng sách giáo khoa mới, năng lực số, chuyên sâu về kỹ năng số, tích hợp giáo dục trí tuệ nhân tạo (AI) và đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực cho 100% giáo viên. Giáo viên tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá.

3. Hoàn thiện chuyển đổi số: Đẩy mạnh đồng bộ dữ liệu dân cư cho học sinh đầu cấp, thực hiện vận hành 100% học bạ số và ký duyệt giáo án điện tử không giấy tờ đối với toàn thể cán bộ giáo viên trên các nền tảng dùng chung trực tuyến thông suốt. Tăng cường chuyển đổi số trong nhà trường.

4. Tăng cường cơ sở vật chất: Tiếp tục rà soát mua sắm bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu, cơ sở vật chất phục vụ học tập. Đẩy mạnh xã hội hóa để từng bước thay thế, sửa chữa nâng cấp hạ tầng công nghệ nhằm phục vụ tốt hơn nữa cho đổi mới dạy học.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- UBND phường 2 Bảo Lộc (b/c);
- Lưu: VT.

Trần Văn Toàn